

Số: 131 /BC-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH BẮC GIANG
Số: 7499
Ngày: 30/11/2022
Chuyên: TL. Ủy ban Cán sự

Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên.

UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 và phương hướng trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác chỉ đạo thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tuyên truyền, phổ biến, triển khai Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022. Chỉ đạo thực hiện việc cập nhật, công khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tiếp tục phối hợp với các đoàn thể tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt Chương trình THTK, CLP của Trung ương, của tỉnh, của ngành, lĩnh vực đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, gắn việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và thực thi công vụ của từng cơ quan, đơn vị.

Qua công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về THTK, CLP của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện THTK, CLP

Trong năm 2022, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi toàn tỉnh; đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của tỉnh tại Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 14/01/2022, với mục tiêu thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, góp phần tạo nguồn lực để phòng, chống và khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

Chương trình THPTK, CLP được xây dựng trên cơ sở gắn với các hoạt động phòng, chống tham nhũng, thanh tra, kiểm tra, cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, từ đó đề ra các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm trong các lĩnh vực. Chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện công tác THPTK, CLP gắn với cuộc vận động “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” để đề ra những biện pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả của công tác THPTK, CLP.

Căn cứ Chương trình THPTK, CLP năm 2022 của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã ban hành Chương trình hành động THPTK, CLP năm 2022 của đơn vị, địa phương mình; đồng thời, tổ chức quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị, địa phương những văn bản về THPTK, CLP mới được ban hành.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện đầy đủ ngay từ đầu năm 2022, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị xác định các chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể đối với từng nhiệm vụ nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THPTK, CLP

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan thanh tra, kiểm tra bám sát định hướng của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ về thanh tra, kiểm tra trong công tác THPTK, CLP. Chỉ đạo các cơ quan thanh tra, kiểm tra xây dựng kế hoạch và thực hiện thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình THPTK, CLP; ngăn chặn kịp thời thiệt hại do những hành vi tham nhũng, lãng phí gây ra; thực hiện việc thắt chặt chi tiêu, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong mọi lĩnh vực hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát việc chấp hành pháp luật trong thực hiện các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước ở ngoài các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020; giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020 – 2022; giám sát việc chấp hành pháp luật trong thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2022; giám sát việc chấp hành pháp luật trong quản lý, khai thác, kinh doanh các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn; sát việc chấp hành pháp luật trong công tác thi hành án hình sự trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2022; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về sắp xếp, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2022; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, ...

Đoàn giám sát của Quốc hội khoá XV và Đoàn Đại biểu Quốc hội khu vực tỉnh Bắc Giang¹ đã thực hiện Giám sát chuyên đề “việc thực hiện chính sách, pháp luật về THPTK, CLP giai đoạn 2016-2021” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

¹ Tháng 7/2022, Đoàn công tác của Quốc hội khóa XV làm việc với tỉnh Bắc Giang về giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2021.

II. KẾT QUẢ THTK, CLP NĂM 2022

1. Kết quả cụ thể trong các lĩnh vực

1.1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Ngoài việc tiếp tục thực hiện các chính sách, định mức, tiêu chuẩn của Trung ương và địa phương đã ban hành còn hiệu lực, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, chế độ, định mức trong từng lĩnh vực, cập nhật kịp thời để tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp, làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản, tài nguyên của Nhà nước được chặt chẽ, đảm bảo quy định của Luật THTK, CLP.

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 21 văn bản QPPL liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quản lý tài chính ngân sách, đầu tư công, tiêu chuẩn, chế độ, định mức thực hiện trên địa bàn tỉnh trong năm 2022.

1.2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước (NSNN)

a) Công tác quản lý ngân sách

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính triển khai công tác lập dự toán, thẩm định dự toán và tổng hợp báo cáo trình HĐND tỉnh phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho các ngành, các cấp đúng quy định về phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi thời kỳ ổn định ngân sách. Nguồn dự phòng ngân sách được quản lý một cách chặt chẽ, chi đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

- Công tác quản lý tài chính- ngân sách của các cơ quan đơn vị, địa phương có nhiều tiến bộ; chấp hành theo quy định của Luật NSNN trong sử dụng kinh phí; chủ động thực hiện cơ chế tự chủ tài chính một cách linh hoạt gắn với việc sắp xếp biên chế, phân bổ nguồn kinh phí phù hợp với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, điều hành dự toán thu, chi NSNN theo tiêu chuẩn định mức do Nhà nước ban hành trong phạm vi dự toán được phê duyệt nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, tiết kiệm các khoản chi phí để chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị.

- Thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, tổng số kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên năm 2022 để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách tỉnh và UBND huyện, thành phố là: 213,136 tỷ đồng². Thu hồi về ngân sách tỉnh đối với những nội dung đã bố trí nhưng không thực hiện và thu hồi dự toán kinh phí mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm, phương tiện phòng hộ trang thiết bị y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế chưa sử dụng, tổng số tiền 179,3 tỷ đồng.

- UBND tỉnh giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025³, trong đó: Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh 120 đơn vị (tự bảo đảm chi thường xuyên 33 đơn vị; tự bảo đảm

² Cấp tỉnh: 52,149 tỷ đồng; cấp huyện: 139,254 tỷ đồng; cấp xã: 21,733 tỷ đồng.

³ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 29/11/2021

một phần chi thường xuyên 63 đơn vị; NSNN bảo đảm chi thường xuyên 24 đơn vị), giảm 02 đơn vị so với giao năm 2021.

- Thực hiện giảm 569 biên chế sự nghiệp năm 2022 so với năm 2021 (Trong đó SNYT 3 đơn vị tự chủ chi thường xuyên 100%, đã tính vào cơ cấu giá dịch vụ từ năm 2017 là 479 biên chế: Bệnh viện Phổi giảm 162 biên chế, TTYT Lạng Giang 155 bc, TTYT huyện Sơn Động 162 bc; các đơn vị sự nghiệp còn lại, giảm 90 biên chế), bình quân giảm (8 tháng): 36.186 triệu đồng.

Thực hiện giao tự chủ về tài chính đã giảm chi thường xuyên từ NSNN đối với đơn vị SNCL cấp tỉnh năm 2022 là: 31.283 triệu đồng (tăng 15.340 triệu đồng so với giảm chi NSNN cấp năm 2021). Trong đó: Giảm chi NSNN cấp đối với đơn vị nâng mức độ tự chủ lên tự bảo đảm chi thường xuyên: 816 triệu đồng; Các đơn vị sự nghiệp công lập giảm 2,5% dự toán chi NSNN cấp năm 2022 và giảm NSNN cấp tương ứng chênh lệch thu chi để lại chi tại đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 30.467 triệu đồng.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 do tỉnh quản lý đến nay là 12.491,3 tỷ đồng, trong đó: Vốn giao đầu năm 2022 là 9.289,7 tỷ đồng vốn NS tỉnh bổ sung trong năm là 257,2 tỷ đồng; vốn NSTW thực hiện 3 Chương trình MTQG là 485,2 tỷ đồng; vốn NSTW bổ sung từ Chương trình phục hồi là 770,1 tỷ đồng (gồm: Vốn NSTW trong nước 726,81 tỷ đồng; vốn ODA cấp phát 43,27 tỷ đồng); nguồn vượt thu tiền đất để lại cho các huyện bổ sung cho đầu tư 1.497,4 tỷ đồng; vốn năm 2021 chuyển nguồn sang thực hiện năm 2022 là 191,7 tỷ đồng.

Giá trị khối lượng thực hiện ước đến 31/12/2022 đạt 12.080 tỷ đồng, bằng 96,7% kế hoạch; giá trị giải ngân đến 31/01/2023 đạt 11.777 tỷ đồng, bằng 94,3% kế hoạch (thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 do một số nguồn vốn NSTW được Trung ương giao muộn, với số vốn 1.255,3 tỷ đồng nên ảnh hưởng nhiều về tiến độ giải ngân chung của tỉnh: Nguồn vốn NSTW thực hiện các Chương trình MTQG 485,2 tỷ đồng được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; Nguồn vốn NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 770,1 tỷ đồng được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1126/QĐ-TTg ngày 25/9/2022)

- Công tác quyết toán dự án hoàn thành được sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt, tạo được sự chuyên biến tích cực, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị cũng như từng cán bộ tham gia quản lý dự án đã được nâng lên. Tổng số dự án đã thẩm tra phê duyệt quyết toán là 564 công trình với giá trị quyết toán được duyệt là 2.474 tỷ đồng, giảm so với giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán là 15,8 tỷ đồng.

- Công tác thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Công tác mua sắm tập trung: Trong năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền đảm bảo tiến độ thời gian theo quy định của trên 50 gói thầu mua sắm; đã tổ chức 01 đợt mua sắm tập trung tài sản nhà nước với 01 gói thầu có tổng giá trị theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: 9,194 triệu đồng, tổng giá trị trúng thầu là: 8,248 triệu đồng, chênh lệch giảm: 946 triệu đồng.

Nhìn chung, công tác mua sắm tập trung được thực hiện đúng trình tự, thủ

tục theo Luật Đấu thầu 2013 và Nghị định 151/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Mua sắm tập trung đã đảm bảo được tiêu chuẩn, định mức, máy móc trang thiết bị mua sắm được đồng bộ, hiện đại.

b) Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình MTQG

Căn cứ các quyết định phân bổ vốn các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chủ động phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Phân bổ kế hoạch vốn 03 Chương trình MTQG năm 2022. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 Về việc giao kế hoạch vốn 03 Chương trình MTQG năm 2022, cụ thể:

- Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025: Tổng vốn đầu tư phát triển 2.430,343 tỷ đồng (NSTW 1.885,343 tỷ đồng, vốn NS tỉnh 545 tỷ đồng) đã phân bổ, thông báo cụ thể đến các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư và huyện, thành phố.

- Kế hoạch vốn năm 2022: Tổng vốn 699,852 tỷ đồng, trong đó vốn NSTW 664,852 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 485,193 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 179,659 tỷ đồng); vốn đầu tư phát triển NS tỉnh 95 tỷ đồng. Số vốn đã phân bổ, thông báo số vốn đến các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư và huyện, thành phố 639,642 tỷ đồng (đạt 91,4%) và 60,21 tỷ đồng vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Lũy kế, hết năm 2022 có 145/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 80%; 42 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu; 239 thôn nông thôn mới kiểu mẫu, bình quân tiêu chí/xã đạt 17,1 tiêu chí/xã. Đến nay, toàn tỉnh có 180 sản phẩm OCOP; trong đó có 42 sản phẩm đạt 4 sao, có 01 sản phẩm tiềm năng 5 sao; 138 sản phẩm đạt 3 sao thuộc top đầu các tỉnh về số lượng sản phẩm OCOP.

c) Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và y tế.

Kinh phí bố trí cho các lĩnh vực khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và y tế luôn được quan tâm, đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn kinh phí Trung ương giao, ưu tiên cho y tế dự phòng. Trong năm 2022, bố trí kinh phí cho sự nghiệp khoa học công nghệ là 32,5 tỷ đồng; sự nghiệp giáo dục và đào tạo là 4.810,2 tỷ đồng; sự nghiệp y tế 1.266,5 tỷ đồng.

Trên cơ sở kinh phí được giao, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở. Các đề tài, dự án tập trung vào những lĩnh vực trọng điểm như: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bảo quản, chế biến nông sản, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học. Việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện công khai theo quy định của pháp luật. Kết quả thực hành tiết kiệm trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ là 164 triệu đồng.

Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được quan tâm, đã thực hiện đầy đủ chế độ của cán bộ, giáo viên, học sinh. Việc xây dựng chương trình, nội dung giáo dục bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, tính thực tiễn, hợp lý, tính ổn định, thống nhất và tính kế thừa. Kinh phí xây dựng chương trình, nội dung giáo dục được sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đào tạo. Năm 2022 toàn ngành đã thực hiện tiết kiệm trong chi phí quản lý 3.125 triệu đồng.

Trong lĩnh vực y tế, thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định của pháp luật đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh và phòng chống dịch. Việc đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ hoạt động của các cơ sở y tế bảo đảm đúng kế hoạch, đúng quy trình về xây dựng, mua sắm, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực của cơ sở y tế. Kết quả thực hành tiết kiệm trong chi phí quản lý hành chính của các đơn vị thuộc Sở Y tế 3.283 triệu đồng.

d) Quản lý, sử dụng quỹ ngoài ngân sách nhà nước

Các quỹ được thành lập đều tuân thủ theo tôn chỉ hoạt động của quỹ, hoạt động chủ yếu phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội không vì mục đích lợi nhuận và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật. Thực hiện các quy định về thông tin báo cáo và công khai theo quy định của pháp luật. Trong năm 2022 đã bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể 04 tỷ đồng, Quỹ hội nông dân 01 tỷ đồng, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo 07 tỷ đồng.

đ) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; tổ chức đoàn đi nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng; sử dụng điện nước, văn phòng phẩm; tiếp khách, tổ chức lễ hội

Giảm tần suất tổ chức lễ hội, ngày hội sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là những lễ hội có quy mô lớn; đảm bảo việc tổ chức lễ hội, ngày hội tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc, phong tục, tập quán của địa phương.

Thực hiện tiết kiệm tối thiểu 12% các khoản kinh phí chi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, sử dụng xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; phấn đấu tiết kiệm 15% chi đoàn ra, đoàn vào so với dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không bố trí đoàn ra trong chi thường xuyên các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Không thực hiện việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng cơ bản, trừ các công trình quan trọng quốc gia, công trình dự án nhóm A, công trình có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của địa phương.

Thực hiện đảm bảo mức trích lập chi thường xuyên theo kế hoạch hàng năm của Chính phủ giao để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, đối với các khoản chi thường xuyên khác, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương dự kiến giao cụ thể chỉ tiêu tiết kiệm cho các đơn vị thuộc, trực thuộc như công tác phí, hội nghị, hội thảo, văn phòng phẩm,...

1.3. THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chấp hành đúng các quy định về tiêu chuẩn định mức, về trình tự, thủ tục mua sắm và xử lý tài sản công. Kinh phí mua sắm tài sản phổ biến tại cơ quan, đơn vị được bố trí trong định mức chi thường xuyên; do đó các cơ quan, đơn vị đã được chủ động trong việc mua sắm. Việc mua sắm tập trung tài sản đã được các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc thực hiện theo danh mục do UBND tỉnh ban hành. Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản; góp phần vào quản lý, sử dụng tài sản chặt chẽ, minh bạch tránh thất thoát.

Việc triển khai sắp xếp, xử lý xe không làm tăng thêm số lượng xe ô tô công so với số xe hiện có trên địa bàn tỉnh và trong từng đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý, sử dụng xe ô tô công.

Trong năm 2022, cấp kinh phí cho 6 đơn vị mua xe ô tô, tổng giá trị 6,6 tỷ đồng; điều chuyển 3 xe, thanh lý 05 xe ô tô hết thời gian tính khấu hao với số tiền 264,8 triệu đồng. Việc tổ chức thanh lý tài sản đã được quy định cụ thể theo phân cấp thẩm quyền và hầu hết các đơn vị đều chấp hành nghiêm túc theo quy định, trình tự, thủ tục, nộp tiền thu được vào NSNN đầy đủ, đúng quy định.

1.4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng, UBND huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại xử lý cơ sở nhà đất; rà soát các trụ sở không còn nhu cầu sử dụng không để lãng phí thất thoát tài sản công:

- Hoàn thành trình cấp thẩm quyền và được phê duyệt phương án sắp xếp tại 10/10 huyện với 2.271 cơ sở nhà, đất. Đồng thời, điều chỉnh, bổ sung một số cơ sở nhà, đất tại các do sáp nhập đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và một số đơn vị được đầu tư, xây dựng trụ sở làm việc ở vị trí mới, vị trí cũ không còn nhu cầu sử dụng; hoàn thành trình cấp thẩm quyền và được phê duyệt phương án sắp xếp 25/25 cơ quan với tổng số cơ sở được phê duyệt phương án là 428 cơ sở.

Thực hiện rà soát cơ sở nhà, đất không còn nhu cầu sử dụng của cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn của 10/10 huyện, thành phố. Qua rà soát, UBND tỉnh đã có văn bản gửi Bộ Tài chính, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn đề nghị chuyển giao cơ sở nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của các đơn vị: Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, KBNN, BHXH.

1.5. THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Các cấp, các ngành đã nỗ lực triển khai Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 và Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai và đạt kết quả tích cực. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên; các vi phạm được tập trung xử lý kiên quyết; ngăn chặn kịp thời, giảm thiểu vi phạm phát sinh. Cùng

với đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất 5 năm, giai đoạn 2021-2025. Xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 – 2020, kết quả thực hiện việc điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất KCN và đất ở tại đô thị; đề xuất nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030 tỉnh Bắc Giang. Quan tâm nâng cao công tác đo đạc bản đồ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy định. Tăng cường tháo gỡ khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn.

Công tác huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được chú trọng, đạt kết quả khá tích cực. Nhìn chung ý thức, trách nhiệm các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong việc thu gom, xử lý rác thải, phân loại rác có chuyên môn tích cực. Toàn tỉnh duy trì 171 công ty, hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải cho 100% xã, phường, thị trấn; 100% xã, phường, thị trấn duy trì các khu thu gom, xử lý rác thải tập trung, vận hành tổng số 77 lò đốt công nghệ; tỷ lệ rác thải thu gom được xử lý toàn tỉnh duy trì đạt 93,1%, tương đương khoảng 805,3 tấn/ngày (*trong đó, tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 81,2%, bằng 100% kế hoạch*). Việc triển khai xây dựng các nhà máy xử lý rác thải và lắp đặt các lò đốt rác theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh được tập trung chỉ đạo; đến nay, các huyện đã lắp đặt tổng số 21/30 lò đốt rác, trong đó có 18/21 lò đã đi vào hoạt động.

Thực hiện cơ cấu 03 loại rừng theo Quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022; đến năm 2025, diện tích quy hoạch 3 loại rừng toàn tỉnh khoảng 142.465 ha, trong đó: Rừng đặc dụng khoảng 13.688 ha, rừng phòng hộ khoảng 20.599 ha, rừng sản xuất khoảng 108.178 ha, theo hướng giảm diện tích rừng sản xuất, tăng diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng, đảm bảo phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Năm 2022, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện trồng 8.000 ha rừng tập trung; trồng 6 triệu cây phân tán; chăm sóc rừng trồng tập trung khoảng 24.000 ha; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 900.000 m³/năm; tỷ lệ che phủ rừng đạt 37,5%.

Năm 2022, toàn tỉnh thực hiện khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng với tổng diện tích 32.199,2 ha, kinh phí thực hiện 12.633,0 triệu đồng, đạt 102% kế hoạch.

UBND tỉnh đã tăng cường chỉ đạo công tác tuần tra rừng, kiểm tra các hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến và kinh doanh lâm sản; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm. Lũy kế đến nay, lực lượng Kiểm lâm đã lập biên bản xử lý 106 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, khối lượng gỗ vi phạm 47,774 m³; so với cùng kỳ năm 2021, số vụ vi phạm tăng 56 vụ, khối lượng gỗ vi phạm tăng 31,189 m³.

Đã thực hiện xử phạt vi phạm hành chính 98 vụ, tịch thu 44,405 m³ gỗ các loại, 42.379 kg lâm sản khác, 03 cá thể động vật hoang dã để thả về môi trường tự nhiên theo quy định, 01 xe máy, 05 cửa xăng; thu nộp ngân sách Nhà nước được trên 2,17 tỷ đồng.

Từ đầu năm đến nay, đã khởi tố 06 vụ án hình sự, trong đó: Cơ quan Kiểm lâm khởi tố 01 vụ án, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra cùng cấp tiếp tục điều tra, hoàn thiện hồ sơ để truy tố trước pháp luật; Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố 05 vụ án. Đến nay, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã khởi tố 16 bị can (trong 05 vụ án), 01 vụ còn lại đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để truy tố trước pháp luật.

1.6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn theo hướng giảm đầu mối các đơn vị trực thuộc, không thành lập đơn vị mới. Công tác tuyển dụng công chức trong cơ quan Nhà nước luôn căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và biên chế được giao của cơ quan có thẩm quyền; tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 BCH TW Đảng khóa XIII, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ,

a) Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Tổng số lượng biên chế giảm năm 2022 (so với biên chế giao năm 2021): 592 chỉ tiêu (công chức: 0 chỉ tiêu; viên chức: 592 chỉ tiêu trong đó, 586 chỉ tiêu giảm và 06 chỉ tiêu dự phòng của năm 2021). Tính đến thời điểm tháng 11/2022 số trường hợp tinh giản biên chế: 227 trường hợp thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, gồm:

- Cơ quan hành chính: 12 người (nghỉ hưu trước tuổi);
- Đơn vị sự nghiệp công lập: 176 Người (nghỉ hưu trước tuổi: 169; thôi việc: 07);
- Công chức xã: 39 người (nghỉ hưu trước tuổi: 34; thôi việc: 15).

b) Công tác sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện, xã

- Khối cơ quan hành chính cấp tỉnh: Tổng số 21 cơ quan (20 sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, 01 cơ quan Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh thuộc HĐND tỉnh).

Số tổ chức thuộc sở (sở phòng chuyên môn và tương đương, chi cục và tương đương) thời điểm 30/11/2022: 146, giữ nguyên số lượng so với năm 2021.

- Khối cơ quan hành chính cấp huyện: Số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thời điểm 30/11/2022 giữ nguyên tổng số 124 so với năm 2021.

- Về đơn vị hành chính cấp xã: năm 2022, tỉnh Bắc Giang không thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã. Tổng số đơn vị hành chính cấp xã toàn tỉnh là 209 xã, phường, thị trấn giữ nguyên số lượng so với năm 2021.

Số thôn, tổ dân phố tại thời điểm 30/11/2022 là 2.128.

c) Công tác sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

Tổng số đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm 30/11/2022 là 858 đơn vị (giảm 04 đơn vị giáo dục ở huyện so với năm 2021).

1.7. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp

Các doanh nghiệp đã thực hiện nhiều biện pháp cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm mức tiêu hao nguyên, vật liệu, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh⁴.

1.8. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Thực hiện tốt kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm điện, các đơn vị chức năng thường xuyên tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phân đầu đưa chương trình tiết kiệm năng lượng thành hoạt động thường xuyên trong đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh. Sản lượng điện tiết kiệm trong thời gian 01 giờ tắt điện trên địa bàn toàn tỉnh là 11.600 kWh tương đương 20 triệu đồng.

Các địa phương đã phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát động cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trong khu dân cư, thực hiện nếp sống văn minh nhằm kêu gọi nhân dân THTK, CLP.

Việc cưới, việc tang và lễ hội cơ bản được tổ chức với tinh thần trang trọng, không phô trương hình thức, giảm được các hiện tượng tiêu cực, mê tín dị đoan, tiết kiệm được chi phí và thời gian tổ chức, phù hợp với điều kiện kinh tế của đại bộ phận nhân dân. Các khu dân cư đã xây dựng và thực hiện tốt các quy ước văn hóa, trong đó có các nội dung quy định cụ thể để thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, và lễ hội. Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số lễ nghi, sinh hoạt cộng đồng khác được thực hiện tốt⁵

Việc tổ chức lễ hội và các hoạt động khác được tổ chức đều đảm bảo tiết kiệm, đúng mục đích, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh, không gây lãng phí. Ban tổ chức các lễ hội địa phương đã cơ bản chấp hành tốt các nội dung của Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Năm 2022 toàn ngành thanh tra triển khai 122 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội tại 321 đơn vị; 245

⁴ Trong năm 2022, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương tiết kiệm được 74,3 triệu đồng chi phí quản lý.

⁵ Trong 10 tháng, toàn tỉnh có trên gần 6.500 đám cưới, trên 4.700 đám tang, cơ bản các đám cưới, đám tang được thực hiện theo quy định, nhất là các quy định phòng, chống dịch; việc cưới có 54 cặp đôi tổ chức tiệc ngọt, 1.188 cặp đôi báo hỷ; có 98,3% số đám tang thực hiện nếp sống văn minh, 1.758 đám tang thực hiện hỏa táng.

cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 1.543 tổ chức, cá nhân. Qua thanh tra phát hiện sai phạm với tổng số tiền 85.384 triệu đồng, 8.132m² đất; trong đó yêu cầu thu hồi về ngân sách nhà nước 57.512 triệu đồng; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán và chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý bằng các biện pháp tài chính khác 27.872 triệu đồng và xử lý khác 8.132 m² đất. Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với 17 tập thể, 318 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 02 vụ việc 03 đối tượng.

3. Kết quả thực hiện kiến nghị của Đoàn giám sát của Quốc hội khoá XV và Đoàn Đại biểu Quốc hội khu vực tỉnh Bắc Giang

Căn cứ các nội dung kiến nghị của Đoàn giám sát, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các ngành có liên quan triển khai thực hiện các nội dung kiến nghị, kết quả:

- Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, rà soát và trình UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 45/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về định mức tiêu hao xăng dầu trong việc sử dụng xe ô tô công tỉnh Bắc Giang, hiện nay Sở Giao thông đang thực hiện rà soát, đánh giá và xây dựng dự thảo quyết định để trình UBND tỉnh.

- Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Ban hành Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 57/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT: Tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá lại thực trạng hoạt động của các công trình nước sạch nông thôn, xác định rõ tồn tại, nguyên nhân; đề xuất các giải pháp xử lý. Đồng thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác quản lý, vận hành công trình cho các đơn vị quản lý. Tổ chức tuyên truyền vận động người dân tham gia sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình nước sạch.

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và môi trường và các huyện, thành phố quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc lắp đặt lò đốt rác và thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải theo kế hoạch, đảm bảo cho công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục phối hợp các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Cục Thuế tỉnh và UBND huyện, thành phố tích cực, tăng cường công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp sử dụng đất lãng phí, không hiệu quả, cương quyết tham mưu thu hồi đất đối với các dự án không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng, năng lực tài chính yếu kém, không có khả năng tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

- Đối với việc quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Yên Thế: Thực hiện Kết luận thanh tra số 4067/KL-UBND ngày 11/8/2021, đến nay Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Yên Thế đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Yên Thế, UBND các xã liên quan rà soát xác định diện tích đất đủ điều kiện chuyển sang thuê đất. Kết quả, diện tích đủ điều kiện chuyển sang thuê đất là 852,85ha. Đã thuê tư vấn biên tập bản đồ ranh giới đất Công ty (bản đồ xác định rõ diện tích đã đủ điều kiện chuyển sang thuê đất, diện tích đã chuyển sang thuê đất, diện tích đề nghị chuyển sang thuê đất đợt này và diện tích chưa đủ điều kiện chuyển sang thuê đất) để trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

Năm 2022, UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác THTK, CLP gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã ban hành chương trình THTK, CLP năm 2022 để triển khai thực hiện. UBND tỉnh cũng đã chủ động báo cáo HĐND tỉnh ban hành nhiều văn bản quy định về tiêu chuẩn, chế độ, định mức theo thẩm quyền để triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh. Phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo theo cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ ngân sách, trong đó chú trọng tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ dự toán.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quan tâm triển khai thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ cho các cơ quan, đơn vị, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu, sử dụng ngân sách, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát; xây dựng phương án chi trả thu nhập, thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính, qua đó đã góp phần từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực.

Nhìn chung, công tác THTK, CLP đều được triển khai hầu hết ở tất cả các ngành, lĩnh vực, địa phương và đơn vị. Kết quả thực hiện THTK, CLP năm 2022 cơ bản đạt được mục tiêu tỉnh đề ra.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Việc rà soát, tham mưu ban hành các văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật có lúc chưa được đầy đủ, kịp thời; còn một số văn bản chưa được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế,...

- Công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tuy có nhiều cố gắng, nhưng vẫn còn một số hạn chế nhất định. Chi NSNN vẫn còn những hạn chế trong việc chấp hành kỷ luật tài chính, tiêu chuẩn, chế độ, định mức, bố trí dự toán chưa sát với thực tế dẫn đến hiệu quả sử dụng chưa cao. Việc phân bổ, giải ngân các nguồn

vốn có lúc chưa kịp thời, dẫn đến chuyển nguồn sang năm sau hoặc điều chuyển sang dự án khác, làm hạn chế hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước.

Việc thu hồi tạm ứng chưa dứt điểm, nhiều dự án kéo dài chưa thu hồi xong với tổng số tiền 18.467 triệu đồng, một số dự án dư tạm ứng kéo dài từ năm 2009 đến nay chưa thu hồi.

- Vẫn còn tình trạng thất thu ở một số khoản thu như: Thuế kinh doanh vận tải, thu ngoài quốc doanh, thuế cho thuê nhà trọ, kinh doanh vật liệu xây dựng, thuế vãng lai. Nợ đọng thuế còn cao, tổng nợ đọng thuế tính đến 31/12/2021 là 714 tỷ đồng.

- Việc chấp hành Luật Đầu tư công tuy đã được quan tâm triển khai thực hiện nhưng những hạn chế trong quá trình quản lý tài chính đầu tư vẫn còn xảy ra. Qua công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, thanh tra các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tại các địa phương, đơn vị, một số dự án có sai phạm trong công tác phê duyệt dự án, thẩm định, lập dự toán sai tiêu chuẩn, định mức, công tác nghiệm thu thiếu chặt chẽ, thi công ở một số hạng mục không đúng thiết kế được duyệt, áp dụng định mức thanh toán chưa phù hợp với quy định, thanh quyết toán vượt khối lượng xây dựng so với khối lượng thực tế thi công;

- Kết quả xử lý vi phạm đất đai theo Chỉ thị số 19-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn chậm. Tiến độ thu hút đầu tư, xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung tại thành phố Bắc Giang, nhà máy xử lý rác thải tập trung tại xã Lan Mẫu và việc lắp đặt lò đốt rác theo Nghị quyết số 06/2020/NQ- HĐND của HĐND tỉnh ở một số địa phương (Lục Nam, Tân Yên, Lạng Giang..) còn chậm; Một số công trình là trụ sở của cơ quan, đơn vị nhà nước không hoạt động từ lâu, nhưng vẫn chưa rà soát, sắp xếp lại; các khu đất quy hoạch nhà văn hóa, trạm y tế, trung tâm thương mại,... ở các khu đô thị, khu dân cư mới chậm triển khai đưa đất vào sử dụng.

- Việc triển khai thực hiện đề án kinh doanh cho thuê, liên doanh, liên kết tại một số đơn vị sự nghiệp còn hạn chế; các đơn vị không chủ động nghiên cứu các quy định mới và các văn bản hướng dẫn liên quan để chủ động triển khai thực hiện, đề xuất điều chỉnh đề án đã được phê duyệt đảm bảo phù hợp thực tiễn, tuân thủ quy định hiện hành của nhà nước;

- Công tác quản lý bàn giao tài sản do nhà nước sau đầu tư cho doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý vận hành ở một số lĩnh vực còn vướng mắc, bất cập như: các công trình nước sạch tập trung, lò đốt rác,...

- Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính còn chậm, nhiều nơi phải đo đạc lại, chỉnh lý gây lãng phí.

- Tình trạng khai thác trái phép đất để san lấp mặt bằng, khai thác cát, sỏi còn diễn ra ở nhiều nơi chưa được xử lý triệt để, ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan, gây thất thu ngân sách.

- Việc thực hiện báo cáo công tác THTK, CLP của một số đơn vị, UBND huyện, thành phố thực hiện chưa nghiêm túc, không đúng thời gian quy định.

Đến thời điểm tổng hợp báo cáo còn 02/58 cơ quan và 5/10 huyện, thành phố chưa gửi báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí⁽⁶⁾.

4. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

4.1. Nguyên nhân khách quan

- Kinh tế thế giới có nhiều biến động và tăng trưởng chậm; kinh tế trong nước còn khó khăn; thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

- Hệ thống pháp luật còn thiếu đồng bộ. Một số quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa cập nhật với các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong thời gian qua. Một số các quy định của Luật chưa đưa ra được các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể.

- Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước ban hành chưa kịp thời, còn chồng chéo, thiếu tính ổn định; công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị còn hình thức, chưa đầy đủ, chi tiết là một trong những nguyên nhân tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hành vi tham nhũng, lãng phí.

- Hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chuẩn, chế độ trong việc sử dụng vốn và tài sản nhà nước vẫn còn chưa sát với thực tế dẫn đến ý thức chấp hành còn hạn chế, thực hiện chưa nghiêm, gây lãng phí vốn và tài sản nhà nước trong nhiều lĩnh vực.

- Các tiêu chí đánh giá kết quả THPTK, CLP theo hướng dẫn của Trung ương chưa cụ thể, rõ ràng từ đó dẫn đến việc xác định số liệu đưa vào chỉ tiêu báo cáo còn lúng túng, khó khăn, thiếu sự thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trong việc xác định số liệu đưa vào chỉ tiêu báo cáo.

- Công tác báo cáo của một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa đảm bảo yêu cầu về nội dung, số liệu và thời hạn theo quy định, nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp báo cáo kết quả THPTK, CLP trên địa bàn toàn tỉnh.

4.2. Nguyên nhân chủ quan

- Ý thức trách nhiệm, sự quyết tâm của một số cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa cao, tuân thủ pháp luật còn chưa nghiêm; còn thiếu những chế tài cụ thể gắn với trách nhiệm về THPTK, CLP của người đứng đầu.

- Việc cụ thể hóa triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị và cơ chế, chính sách của Trung ương vào thực tế còn thiếu sáng tạo, cụ thể, thiếu tính toàn diện. Công tác chỉ đạo còn chung chung, một số nội dung chỉ đạo còn thiếu quyết liệt; sự phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ, hiệu quả không cao.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự coi THPTK, CLP là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, Chương trình hành động chưa cụ thể, nội dung chưa xác định được trọng tâm, trọng điểm, đề xuất các biện pháp cụ thể chưa phù hợp với điều kiện thực tế; còn thiếu những chế tài cụ thể gắn với trách nhiệm về THPTK, CLP của người đứng đầu.

⁶ Các đơn vị chưa nộp: Hội Nông dân, Sở Tài nguyên & Môi trường, UBND các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Việt Yên, Hiệp Hòa, Thành phố Bắc Giang.

- Công tác thanh tra, kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cấp, các ngành chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Các quy định về thanh tra, kiểm tra, trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn chưa cụ thể nên làm hạn chế tính hiệu lực, hiệu quả trong triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THTK, CLP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2023

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, đẩy mạnh việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy về các giải pháp cụ thể liên quan đến công tác THTK, CLP;

- Chủ động sắp xếp, điều chỉnh các nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng thu ngân sách. Tăng cường quản lý chi NSNN, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả;

- Tăng cường quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật;

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các tiêu chuẩn, chế độ định mức trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực đầu tư xây dựng, chi ngân sách, quản lý tài sản công, tài nguyên theo quy định mới để đáp ứng yêu cầu THTK, CLP;

- Tiếp tục thực hiện cơ chế giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Tập trung cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình. Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các phòng trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về THTK, CLP. Các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch nhằm phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc lãng phí.

2. Các giải pháp về THTK,CLP

- Căn cứ chương trình THTK, CLP của tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện theo lĩnh vực và phạm vi quản lý, chịu trách nhiệm xây dựng Chương trình THTK, CLP của đơn vị, cấp quản lý theo hướng cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm. Chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã ban hành, phân công rõ ràng trách nhiệm của từng đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện có hiệu quả;

- Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong THTK, CLP. Chú trọng tăng cường vai trò của cơ quan thông tin truyền thông đại chúng trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, phát động mạnh mẽ đến toàn thể cộng đồng về THTK, CLP;

- Nâng cao hơn nữa trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quản lý, điều hành và sử dụng NSNN. Đẩy mạnh

công tác tự kiểm tra nội bộ trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị để kịp thời phát hiện những trường hợp lãng phí, sử dụng tiền và tài sản Nhà nước sai quy định và chấn chỉnh, xử lý kịp thời;

- Tiếp tục tăng cường công tác THPT, CLP trên tất cả các lĩnh vực: Quản lý sử dụng ngân sách nhà nước; quản lý sử dụng vốn đầu tư công; trụ sở làm việc, tài sản công. Quản lý, khai thác sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn năng lượng. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại các doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp lại nhu cầu sử dụng tài sản nhà nước theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Nâng cao vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể các cấp, tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền đối với Nhân dân trong công tác THPT, CLP.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP trong các lĩnh vực trọng điểm như: quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, chi ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản; huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra theo quy định để tạo điều kiện cho người dân giám sát, phát hiện và phản ánh cho cơ quan có thẩm quyền về hành vi lãng phí. Thực hiện khen thưởng, xử phạt hành chính nghiêm minh trong việc THPT, CLP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Luật THPT, CLP năm 2022 trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND; Báo cáo
- ĐBQH khu vực tỉnh BG;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu dự họp HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- HU, TU, HĐND, UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, ban, trung tâm;
- + Lưu VT, TPKTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thế Tuấn

**BIỂU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 134 /BC-UBND ngày 26 /11/2022 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C+D+E)	100	95
A.	Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	6	6
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3	3
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	3	3
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	
III	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	4
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	2	
3	Không ban hành	0	
B	Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	40	40
I	Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	5	5
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	15	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	20
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	0
	Đã thực hiện khoán	5	5
	Chưa thực hiện khoán	0	
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10

	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	30	30
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	15	15
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	15
2	Từ 50%- 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	12	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	9	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	6	
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	15	15
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	15	15
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
D	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện	10	8
1	Trên 80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	10	
2	Từ 50%-80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	8	8
3	Từ 20% đến dưới 50% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	6	
4	Dưới 20% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	4	
E.	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	7
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	4
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	2
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	3
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	2	1
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	2

BIỂU THỐNG KÊ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ, TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC DO HĐND VÀ UBND TỈNH
BAN HÀNH NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 181 /BC-UBND ngày 26 /11/2022 của UBND tỉnh)



TT	Nội dung
1	Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý và trình tự thực hiện đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐUBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh
2	Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư khi Nhà nước cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh Quy định giá nhà tính lệ phí trước bạ áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
4	Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Quy định mức trần thù lao công chứng, dịch thuật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
5	Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09/7/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang
6	Nghị quyết số 08/2022/NQ- HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025
7	Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang
8	Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí, các khoản thu phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm 2022-2023 trở đi tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
9	Nghị quyết số 19/2022/NQ- HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định chế độ, chính sách và hỗ trợ với huấn luyện viên, vận động viên, học sinh năng khiếu thể thao tỉnh Bắc Giang.
10	Nghị quyết số 21/2022/NQ- HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về hỗ trợ thôi việc đối với phó trưởng công an, công an viên bán chuyên trách công tác ở xã, thị trấn liên tục dưới 15 năm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh quy định

11	mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh, đội trưởng, đội phó dân phòng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
12	Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
13	Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
14	Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
15	Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định cơ chế thu, sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 trở đi tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
16	Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
17	Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh
18	Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025
19	Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
20	Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
21	Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025